

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
HỘI ĐỒNG THI NÂNG
NGẠCH, THĂNG HẠNG CHỨC
DANH NGHỀ NGHIỆP LÊN
CHUYÊN VIÊN CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 15 tháng 5 năm 2021

Số: 120 /TB-HĐT

THÔNG BÁO

**Kết quả thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ kỳ thi nâng ngạch,
thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính
năm 2021 của tỉnh Bình Định**

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Bình Định thông báo kết quả thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Bình Định như sau:

1. Về kết quả thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Bình Định (chi tiết có Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

2. Về phúc khảo bài thi

- Thời hạn nhận đơn phúc khảo: 15 ngày, từ ngày 15/5/2021 đến ngày 29/5/2021.

- Cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu phúc khảo bài thi, nộp đơn phúc khảo trực tiếp tại Sở Nội vụ - cơ quan Thường trực Hội đồng thi (địa chỉ: số 180 Tăng Bạt Hổ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, điện thoại liên hệ: 02563.821618).

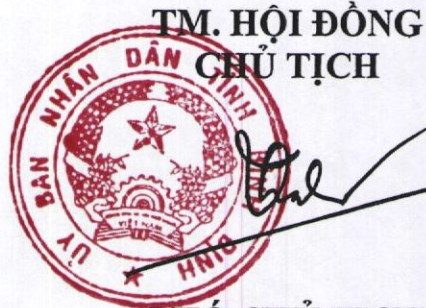
- Phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.

Thông báo này được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, địa chỉ: <http://binhdinh.gov.vn>, Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ, địa chỉ: snv.binhdinh.gov.vn và niêm yết tại Sở Nội vụ.

Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Bình Định thông báo và đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thông báo để cán bộ, công chức, viên chức dự thi được biết./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng thi;
- Thành viên Hội đồng thi;
- Trưởng ban Ban Giám sát;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công TTĐT UBND tỉnh (để đăng tải);
- Sở Nội vụ (để phối hợp đăng tải, niêm yết);
- Lưu: VT, HĐT.



**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH
THƯỜNG TRỰC UBND TỈNH
Nguyễn Tuấn Thanh**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI

Kính gửi: Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp
lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Bình Định

Tôi tên là: Sinh ngày:

Số báo danh: Phòng thi số:

Cơ quan, đơn vị đang công tác:

Số điện thoại liên hệ:

Tôi đã tham dự kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Bình Định, được tổ chức từ ngày 08 và ngày 09/5/2021.

Kết quả thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ: điểm.

Nay tôi làm đơn đề nghị phúc khảo bài thi môn viết chuyên môn, nghiệp vụ nêu trên.

Kính đề nghị Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Bình Định xem xét chấm phúc khảo đối với các bài thi đề nghị phúc khảo nêu trên.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Bình Định, ngày/5/2021

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục I

KẾT QUẢ CÔNG CHỨC THI MÔN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ
KỲ THI NÂNG NGẠCH, THĂNG HẠNG LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2021
CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Thông báo số: 120/TB-HĐT ngày 15/5/2021 của Hội đồng thi
nâng ngạch, thăng hạng lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Bình Định)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
1	CC001	Huỳnh Hiệp An	08/05/1972	Sở Văn hóa và Thể thao	39	Ba chín	
2	CC002	Lê Hoài An	26/10/1980	UBND thị xã An Nhơn	41	Bốn một	
3	CC003	Nguyễn Ngọc Anh	15/12/1977	Sở Thông tin và Truyền thông	70	Bảy mươi	
4	CC004	Võ Tuấn Anh	06/12/1973	Sở Công Thương	53	Năm ba	
5	CC005	Phạm Ngọc Ân	10/10/1980	Sở Giao thông vận tải	61	Sáu một	
6	CC006	Nguyễn Văn Bảo	09/11/1983	Sở Nội vụ	72	Bảy hai	
7	CC007	Nguyễn Thị Bình	10/12/1982	Sở Kế hoạch và Đầu tư	60	Sáu mươi	
8	CC008	Hồ Mỹ Ngọc Chân	25/07/1983	Sở Tư pháp	40	Bốn mươi	
9	CC009	Hồ Ngọc Chánh	06/08/1968	UBND huyện Phù Mỹ	50	Năm mươi	
10	CC010	Tô Minh Chánh	19/01/1977	UBND huyện Tuy Phước			Bỏ thi
11	CC011	Phạm Văn Chung	24/04/1980	UBND thị xã Hoài Nhơn	59	Năm chín	
12	CC012	Trần Thị Ánh Chung	22/10/1976	UBND huyện Vĩnh Thạnh	58	Năm tám	
13	CC013	Nguyễn Đình Chương	21/02/1972	UBND thị xã An Nhơn	65	Sáu lăm	
14	CC014	Bùi Văn Cư	05/01/1967	UBND thị xã An Nhơn	59	Năm chín	
15	CC015	Lê Quốc Cường	25/04/1978	UBND thị xã An Nhơn	70	Bảy mươi	
16	CC016	Trương Xuân Cường	12/09/1977	HỆND thành phố Quy Nhơn	65	Sáu lăm	
17	CC017	Huỳnh Thanh Danh	20/08/1979	Sở Công Thương	58	Năm tám	
18	CC018	Nguyễn Thị Bích Dân	10/03/1980	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	71	Bảy một	
19	CC019	Nguyễn Thái Diễn	16/11/1977	UBND thành phố Quy Nhơn	58	Năm tám	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
20	CC020	Đặng Trung Du	10/02/1984	Văn phòng UBND tỉnh	67	Sáu bảy	
21	CC021	Đặng Quốc Dũng	05/07/1980	Sở Du lịch	55	Năm lăm	
22	CC022	Lục Văn Dũng	11/01/1975	Sở Văn hóa và Thể thao	40	Bốn mươi	
23	CC023	Trần Thái Dũng	10/07/1982	Sở Tài chính	65	Sáu lăm	
24	CC024	Phù Thị Xuân Dương	17/02/1983	Sở Tài chính	51	Năm một	
25	CC025	Hà Trọng Dưỡng	14/02/1982	UBND huyện Phù Cát	61	Sáu một	
26	CC026	Trần Đình Duy	28/11/1983	Sở Xây dựng	61	Sáu một	
27	CC027	Trần Trung Định	10/08/1973	Sở Nội vụ	61	Sáu một	
28	CC028	Nguyễn Thành Đô	02/05/1983	UBND huyện Vân Canh	64	Sáu tư	
29	CC029	Võ Hoài Đức	31/05/1984	Sở Văn hóa và Thể thao	42	Bốn hai	
30	CC030	Vũ Thị Nô En	13/11/1985	Sở Ngoại vụ	65	Sáu lăm	
31	CC031	Võ Thị Hà Giang	26/07/1980	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	54	Năm tư	
32	CC032	Nguyễn Văn Hà	24/07/1975	UBND huyện An Lão	53	Năm ba	
33	CC033	Võ Thị Thu Hà	06/01/1976	Sở Công Thương	57,5	Năm bảy phẩy năm	
34	CC034	Nguyễn Minh Hải	13/08/1980	UBND thành phố Quy Nhơn	70	Bảy mươi	
35	CC035	Bùi Thị Hạnh	19/06/1976	Sở Tư pháp	66	Sáu sáu	
36	CC036	Nguyễn Ngọc Hạnh	06/12/1980	UBND huyện Phù Mỹ	61	Sáu một	
37	CC037	Trịnh Nguyễn Huy Hiền	03/02/1982	Sở Nội vụ	51	Năm một	
38	CC038	Lê Thị Thu Hiền	02/10/1980	Sở Tài chính	51	Năm một	
39	CC039	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/09/1985	Sở Ngoại vụ	65	Sáu lăm	
40	CC040	Nguyễn Thị Kim Hiền	21/05/1972	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	60	Sáu mươi	
41	CC041	Cao Hoàng Hiếu	07/08/1981	Sở Kế hoạch và Đầu tư	69	Sáu chín	
42	CC042	Từ Thị Hoa	01/01/1973	Sở Kế hoạch và Đầu tư	38	Ba tám	
43	CC043	Phan Đình Hòa	01/03/1974	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	59	Năm chín	
44	CC044	Đặng Thanh Hoàng	07/02/1974	UBND huyện Phù Mỹ	34	Ba tư	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
45	CC045	Huỳnh Ngọc Hoàng	20/09/1980	Sở Xây dựng	60	Sáu mươi	
46	CC046	Phan Tuấn Hoàng	02/02/1982	UBND thành phố Quy Nhơn	50	Năm mươi	
47	CC047	Nguyễn Thành Hưng	20/10/1975	Sở Kế hoạch và Đầu tư	39	Ba chín	
48	CC048	Lê Thị Thu Hương	20/07/1973	Sở Tài chính	67	Sáu bảy	
49	CC049	Phan Thị Thu Hương	01/10/1972	Sở Y tế	66	Sáu sáu	
50	CC050	Trần Văn Hương	20/06/1963	UBND huyện Phù Cát	50	Năm mươi	
51	CC051	Hồ Đắc Khánh	02/09/1985	Sở Tài nguyên và Môi trường	67	Sáu bảy	
52	CC052	Lương Văn Khánh	17/08/1971	UBND huyện Phù Mỹ	41	Bốn một	
53	CC053	Nguyễn Văn Khánh	14/03/1979	Sở Xây dựng	60,5	Sáu mươi phẩy năm	
54	CC054	Trần Tiến Khoa	02/07/1983	UBND thành phố Quy Nhơn	45	Bốn lăm	
55	CC055	Nguyễn Văn Khôi	02/12/1972	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	61,5	Sáu một phẩy năm	
56	CC056	Trương Ngọc Lân	21/04/1970	Văn phòng UBND tỉnh	50	Năm mươi	
57	CC057	Đặng Hữu Lập	25/03/1977	UBND huyện Vĩnh Thạnh	43,5	Bốn ba phẩy năm	
58	CC058	Nguyễn LêNa	07/11/1982	Sở Ngoại vụ	53	Năm ba	
59	CC059	Nguyễn Thị Liên	06/01/1971	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	65	Sáu lăm	
60	CC060	Võ Văn Linh	25/05/1978	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	59	Năm chín	
61	CC061	Đường Tùng Lợi	01/03/1976	Sở Kế hoạch và Đầu tư	45	Bốn lăm	
62	CC062	Đinh Văn Lung	25/03/1970	Ban Dân tộc	50	Năm mươi	
63	CC063	Trần Thị Thu Lượng	25/11/1980	Sở Nội vụ	65	Sáu lăm	
64	CC064	Nguyễn Quang Minh	31/5/1978	Sở Kế hoạch và Đầu tư	62	Sáu hai	
65	CC065	Trần Quang Minh	25/12/1974	Sở Xây dựng	40,5	Bốn mươi phẩy năm	
66	CC066	Vũ Thành Minh	21/11/1982	UBND huyện Hoài Ân	53	Năm ba	
67	CC067	Nguyễn Hoài Nam	04/03/1978	UBND huyện Vân Canh	53	Năm ba	
68	CC068	Trương Hoài Nam	26/05/1977	Sở Tư pháp	37	Ba bảy	
69	CC069	Trương Thanh Ngà	23/01/1969	UBND thành phố Quy Nhơn	51,5	Năm một phẩy năm	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
70	CC070	Nguyễn Đình Ngân	12/06/1980	UBND huyện Vĩnh Thạnh	56	Năm sáu	
71	CC071	Nguyễn Hoài Ngân	05/10/1979	Sở Nội vụ	59,5	Năm chín phẩy năm	
72	CC072	Bùi Quốc Nghị	03/06/1974	UBND huyện Phù Cát	53	Năm ba	
73	CC073	Lê Quang Nghĩa	10/04/1981	Sở Tài chính	50	Năm mười	
74	CC074	Hoàng Anh Ngọc	19/09/1976	UBND huyện Hoài Ân	51	Năm một	
75	CC075	Nguyễn Hoài Nguyên	26/06/1983	UBND huyện Hoài Ân	50	Năm mười	
76	CC076	Nguyễn Ánh Nguyệt	04/11/1977	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	66	Sáu sáu	
77	CC077	Nguyễn Hữu Nhơn	01/01/1980	UBND thị xã An Nhơn	60	Sáu mươi	
78	CC078	Nguyễn Văn Nhung	15/01/1983	Sở Tài nguyên và Môi trường	50	Năm mười	
79	CC079	Trương Nam Phong	02/09/1985	UBND thị xã Hoài Nhơn	69,5	Sáu chín phẩy năm	
80	CC080	Trương Ngọc Phong	20/09/1983	Sở Khoa học và Công nghệ	58	Năm tám	
81	CC081	Đinh Văn Phú	1981	UBND huyện An Lão	41	Bốn một	
82	CC082	Lê Bá Phúc	03/04/1976	Sở Tài chính	60	Sáu mươi	
83	CC083	Mai Hằng Phương	02/12/1981	Sở Công Thương	61,5	Sáu một phẩy năm	
84	CC084	Tô Hồng Phương	30/12/1967	UBND thị xã An Nhơn	65	Sáu lăm	
85	CC085	Trần Công Quang	05/11/1974	UBND huyện Vĩnh Thạnh	50	Năm mười	
86	CC086	Trần Minh Quang	29/07/1983	Sở Xây dựng	43	Bốn ba	
87	CC087	Mai Hồng Quân	02/09/1985	Sở Nội vụ	71,5	Bảy một phẩy năm	
88	CC088	Châu Thái Quy	06/11/1975	Sở Tài nguyên và Môi trường	35,5	Ba lăm phẩy năm	
89	CC089	Phạm Thị Lệ Quyên	18/07/1973	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	51	Năm một	
90	CC090	Hồ Thị Minh Quyền	30/11/1982	Sở Thông tin và Truyền thông	66,5	Sáu sáu phẩy năm	
91	CC091	Nguyễn Thế Quỳnh	01/09/1979	Sở Thông tin và Truyền thông	60	Sáu mươi	
92	CC092	Mang Văn Ráng	02/03/1978	UBND huyện Vĩnh Thạnh	51	Năm một	
93	CC093	Châu Văn Sơn	03/01/1972	Sở Y tế	54	Năm tư	
94	CC094	Lê Anh Sơn	20/10/1976	Sở Xây dựng	78	Bảy tám	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
95	CC095	Lê Thanh Sơn	16/08/1986	Văn phòng UBND tỉnh	53	Năm ba	
96	CC096	Võ Ngọc Sỹ	23/10/1977	Sở Giáo dục và Đào tạo	63	Sáu ba	
97	CC097	Huỳnh Tân	02/01/1972	UBND huyện An Lão	39	Ba chín	
98	CC098	Nguyễn Bá Tân	09/05/1983	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	57,5	Năm bảy phẩy năm	
99	CC099	Nguyễn Hùng Tân	07/11/1977	UBND huyện Tuy Phước	53,5	Năm ba phẩy năm	
100	CC100	Nguyễn Thị Hữu Tân	06/03/1981	UBND thị xã An Nhơn	50	Năm mười	
101	CC101	Lê Hồng Tây	22/01/1982	Sở Công Thương	77	Bảy bảy	
102	CC102	Văn Kim Thành	15/04/1984	Văn phòng UBND tỉnh	50	Năm mười	
103	CC103	Đình Xuân Thảo	24/05/1981	UBND huyện Vĩnh Thạnh	50,5	Năm mười phẩy năm	
104	CC104	Huỳnh Thị Phương Thảo	24/01/1974	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	55,5	Năm lăm phẩy năm	
105	CC105	Trần Hữu Thảo	02/02/1980	UBND thị xã Hoài Nhơn	53	Năm ba	
106	CC106	Võ Thị Thắm	24/10/1984	Sở Tài nguyên và Môi trường	63	Sáu ba	
107	CC107	Huỳnh Minh Thắng	08/08/1968	UBND huyện An Lão	50,5	Năm mười phẩy năm	
108	CC108	Nguyễn Đức Thắng	07/07/1974	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	60	Sáu mươi	
109	CC109	Nguyễn Đức Thắng	04/04/1979	Sở Ngoại vụ	60	Sáu mươi	
110	CC110	Võ Thừa Thắng	03/04/1977	Sở Giao thông vận tải	71	Bảy một	
111	CC111	Nguyễn Hoàng Thân	26/12/1980	UBND thành phố Quy Nhơn	64	Sáu tư	
112	CC112	Lương Thế Thiết	15/02/1969	Sở Y tế	59	Năm chín	
113	CC113	Nguyễn Quốc Thịnh	19/08/1979	HĐND thành phố Quy Nhơn	50	Măm mươi	
114	CC114	Phạm Văn Thịnh	10/11/1976	UBND huyện Phù Cát	37	Ba bảy	
115	CC115	Nguyễn Thị Thống	10/08/1984	UBND huyện Tây Sơn	58	Năm tám	
116	CC116	Nguyễn Thị Thu	10/12/1979	Sở Y tế	50	Năm mười	
117	CC117	Ngô Thị Thanh Thủy	20/08/1982	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	35	Ba lăm	
118	CC118	Phan Thị Thủy	15/10/1974	Sở Khoa học và Công nghệ	61,5	Sáu một phẩy năm	
119	CC119	Trần Thị Thu Thủy	10/10/1982	Sở Du lịch	50	Năm mười	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
120	CC120	Cao Hoàng Mộng Tiên	15/12/1974	HĐND huyện Tuy Phước	50	Năm mười	
121	CC121	Mai Xuân Tiến	11/01/1980	UBND thị xã An Nhơn	64	Sáu tư	
122	CC122	Mai Ngọc Tinh	06/11/1976	UBND thành phố Quy Nhơn	51	Năm một	
123	CC123	Võ Thanh Tịnh	02/10/1979	Sở Tài nguyên và Môi trường	42,5	Bốn hai phẩy năm	
124	CC124	Tô Hiếu Toàn	20/12/1983	Sở Tài chính	57	Năm bảy	
125	CC125	Trần Văn Trí	26/06/1975	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32	Ba hai	
126	CC126	Bùi Thị Thu Trúc	13/09/1975	HĐND thị xã Hoài Nhơn	50	Năm mười	
127	CC127	Nguyễn Trực	06/03/1965	HĐND huyện An Lão	50	Năm mười	
128	CC128	Tạ Phương Trung	04/09/1983	Sở Xây dựng	51,5	Năm một phẩy năm	
129	CC129	Trần Chí Trung	02/10/1980	HĐND thị xã Hoài Nhơn	57	Năm bảy	
130	CC130	Trần Đình Trung	10/03/1981	Sở Tài nguyên và Môi trường	51	Năm một	
131	CC131	Đặng Phi Trường	01/01/1982	UBND huyện Hoài Ân	29	Hai chín	
132	CC132	Đoàn Thanh Tú	31/12/1983	UBND thị xã An Nhơn	57,5	Năm bảy phẩy năm	
133	CC133	Nguyễn Xuân Tú	03/02/1981	HĐND thị xã Hoài Nhơn	73,5	Bảy ba phẩy năm	
134	CC134	Hồ Văn Tuấn	21/11/1976	UBND huyện Phù Cát	52	Năm hai	
135	CC135	Hoàng Quốc Tuấn	09/03/1980	UBND huyện Hoài Ân	75	Bảy năm	
136	CC136	Lê Anh Tuấn	09/01/1977	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	67,5	Sáu bảy phẩy năm	
137	CC137	Lê Anh Tuấn	28/01/1977	Sở Giao thông vận tải	72	Bảy hai	
138	CC138	Nguyễn Quốc Tuấn	24/01/1975	UBND huyện Vĩnh Thạnh	57,5	Năm bảy phẩy năm	
139	CC139	Phan Tuấn	14/12/1968	UBND thành phố Quy Nhơn	69,5	Sáu chín phẩy năm	
140	CC140	Trần Minh Tuấn	01/02/1972	UBND huyện Phù Mỹ	66	Sáu sáu	
141	CC141	Huỳnh Thanh Tùng	16/04/1976	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	31	Ba một	
142	CC142	Ngô Đình Tuy	01/01/1980	UBND thị xã Hoài Nhơn	61	Sáu một	
143	CC143	Trần Thị Túy	13/05/1980	Sở Tư pháp	76	Bảy sáu	
144	CC144	Ngô Thị Ánh Tuyết	26/06/1981	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	63	Sáu ba	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
145	CC145	Nguyễn Thị Kim Uyên	19/05/1979	Sở Y tế	68,5	Sáu tám phẩy năm	
146	CC146	Võ Lê Thi Văn	07/02/1975	UBND huyện Phù Mỹ	38	Ba tám	
147	CC147	Đào Thị Bích Vân	19/11/1977	UBND huyện Vân Canh	42	Bốn hai	
148	CC148	Võ Thị Thúy Vân	20/12/1978	HĐND huyện Vĩnh Thạnh	52,5	Năm hai phẩy năm	
149	CC149	Đặng Quốc Việt	11/02/1975	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	40	Bốn mươi	
150	CC150	Huỳnh Quốc Việt	14/06/1981	UBND huyện Phù Mỹ	67	Sáu bảy	
151	CC151	Trương Bá Vinh	20/10/1980	Sở Tài nguyên và Môi trường	59,5	Năm chín phẩy năm	
152	CC152	Võ Trọng Vinh	03/02/1976	Sở Nội vụ	60	Sáu mươi	
153	CC153	Nguyễn Công Vịnh	17/09/1968	UBND thành phố Quy Nhơn	50	Năm mươi	
154	CC154	Nguyễn Thị Thế Vy	05/08/1980	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	68,5	Sáu tám phẩy năm	
155	CC155	Nguyễn Ngọc Xuân	22/06/1966	UBND huyện Tuy Phước	52	Năm hai	
156	CC156	Nhữ Thị Hoàng Yến	10/06/1979	Sở Tài nguyên và Môi trường	65	Sáu lăm	

Tổng số CBCC có tên trong danh sách: 156 người. *nd*



TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH
THƯỜNG TRỰC UBND TỈNH
Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục II
KẾT QUẢ VIÊN CHỨC THI MÔN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ
KỲ THI NÂNG NGẠCH, THĂNG HẠNG LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2021
CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Thông báo số: 120/TB-HĐT ngày 15/5/2021 của Hội đồng thi
nâng ngạch, thăng hạng lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Bình Định)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
1	VC001	Ngô Thị Kim Anh	30/12/1976	Hội Chữ thập đỏ huyện Hoài Ân	64	Sáu tư	
2	VC002	Trần Bửu Ân	18/07/1974	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	52	Năm hai	
3	VC003	Đặng Hữu Bình	23/01/1978	Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	67	Sáu bảy	
4	VC004	Nguyễn Văn Chiến	06/04/1982	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	63	Sáu ba	
5	VC005	Hoàng Kim Chuyên	01/01/1976	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Văn Canh	66,5	Sáu sáu phẩy năm	
6	VC006	Phạm Thị Kim Đông	08/04/1974	Trung tâm Tin học - Công báo, Văn phòng UBND tỉnh	33	Ba ba	
7	VC007	Nguyễn Thị Đức	12/12/1975	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	63	Sáu ba	
8	VC008	Lê Văn Hòa	22/09/1976	Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế	69,5	Sáu chín phẩy năm	
9	VC009	Võ Cao Thị Mộng Hoài	04/11/1978	Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ	60	Sáu mươi	
10	VC010	Đinh Công Hoàng	05/09/1980	Ban Quản lý dự án dân dụng và công nghiệp tỉnh	51,5	Năm một phẩy năm	
11	VC011	Ngô Trần Hùng	15/05/1964	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện Hoài Ân	56	Năm sáu	
12	VC012	Thái Văn Hưng	20/8/1973	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện Phù Cát	50	Năm mươi	
13	VC013	Võ Thị Hồng Liên	15/10/1976	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện Vĩnh Thạnh	51	Năm một	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
14	VC014	Ngô Thanh Lý	25/12/1967	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	50	Năm mười	
15	VC015	Nguyễn Thị Bích Ngọc	23/10/1977	Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	70	Bảy mươi	
16	VC016	Trần Đình Thiện Nhân	04/01/1979	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Sở Tư pháp	66	Sáu sáu	
17	VC017	Lưu Nhất Phong	18/11/1980	Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh	69	Sáu chín	
18	VC018	Châu Đình Phước	01/12/1963	Trung tâm Chăm sóc và điều dưỡng người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	Năm mười	
19	VC019	Nguyễn Thành Phương	21/05/1978	Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	51	Năm một	
20	VC020	Nguyễn Thị Hồng Sĩ	07/11/1978	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	51,5	Năm một phẩy năm	
21	VC021	Ngô Tùng Sơn	30/08/1970	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	51	Năm một	
22	VC022	Mai Ngọc Thịnh	03/06/1974	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Sở Văn hóa và Thể thao	61	Sáu một	
23	VC023	Lê Thiện Thông	28/10/1979	Ban Quản lý bảo trì đường bộ, Sở Giao thông vận tải	68,5	Sáu tám phẩy năm	
24	VC024	Trần Đoàn Khoa Tiến	02/12/1978	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	51	Năm một	
25	VC025	Lê Thị Thùy Trang	16/10/1979	Trung tâm Tin học - Công báo, Văn phòng UBND tỉnh	86	Tám sáu	
26	VC026	Nguyễn Thanh Trúc	12/09/1973	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông	39	Ba chín	
27	VC027	Nguyễn Công Trường	01/08/1972	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện An Lão	54	Năm tư	
28	VC028	Trần Thanh Tuấn	27/10/1981	Ban Quản lý chợ Khu 6, UBND thành phố Quy Nhơn	54	Năm tư	
29	VC029	Phan Minh Tùng	10/10/1975	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	56	Năm sáu	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan đang công tác	Kết quả điểm thi		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
30	VC030	Đặng Thị Ngọc Uyên	05/04/1974	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Sở Tư pháp	51	Năm một	
31	VC031	Đặng Văn Việt	04/05/1973	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	65	Sáu lăm	

Tổng số viên chức có tên trong danh sách: 31 người. *zh*



TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH
THƯỜNG TRỰC UBND TỈNH
Nguyễn Tuấn Thanh